

Dạy từ vựng tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh thông qua bản đồ tư duy

Lê Minh Sao*

*Khoa Ngoại Ngữ, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

Received: 20/12/1022; Accepted: 23/12/2022; Published: 8/01/2023

Abstract: Mind-mapping is an effective way to teach and learn English vocabulary. Mind-mapping helps memorize vocabulary through colors and images. Learn vocabulary through mind maps to help students study and develop English vocabulary systematically and effectively. Based on the benefits of mind-mapping the author applied to teaching English students at Vinh University of Technology Education. Through the article, the author offers ways to teach new words with mind maps and guide students to design their own mind maps for learning not only the English subjects but also other subjects.

Keywords: Mind-mapping, vocabulary teaching and learning, word memorizing

1. Đặt vấn đề

Từ vựng là yếu tố vô cùng quan trọng khi học bất kỳ một ngôn ngữ nào, đặc biệt là tiếng Anh. Khi vốn từ không có nhiều, sinh viên (SV) cảm thấy khó khăn khi rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc hiểu và nói. Điều đó dẫn đến việc phần đông SV bị mất hứng thú đối với môn tiếng Anh vì họ nhận thấy rằng mặc dù đã cố gắng, chăm chỉ nhưng kết quả học không cao. Tóm lại, phương pháp học từ vựng mà các em đang sử dụng không mang lại hiệu quả cao và không phải là một phương pháp học tập tích cực. Rivers cho rằng “Không thể dạy được từ vựng, mà từ vựng chỉ có thể được trình bày, được giải thích, được bao gồm trong tất cả các hoạt động và trải qua tất cả các hình thức liên tưởng, nhưng cuối cùng thì từ vựng sẽ được học bởi từng cá nhân”. Hơn nữa, một trong các chiến lược dạy từ vựng đó là ứng dụng hình ảnh và hồi tưởng lại theo một cách có cấu trúc. Vì vậy, Bản đồ tư duy được sử dụng như một kỹ thuật hay một hoạt động hiệu quả trong việc dạy và học từ vựng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bản đồ tư duy, lợi ích và một số hướng dẫn tạo bản đồ tư duy

2.1.1. Định nghĩa Bản đồ tư duy

Bản đồ tư duy (Mindmap) là phương pháp được đưa ra như là một phương tiện mạnh mẽ tận dụng khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não. Đây là cách để ghi nhớ chi tiết, để tổng hợp, hay để phân tích một vấn đề ra thành một dạng của lược đồ phân nhánh. Phương pháp này được phát triển vào cuối thập niên 60 (thế kỷ 20) bởi Tony Buzan, giúp ghi lại bài giảng mà chỉ dùng các từ then chốt và các hình ảnh. Cách ghi chép này nhanh, dễ nhớ và dễ ôn tập hơn.

Phương pháp này khai thác khả năng ghi nhớ và

liên hệ các dữ kiện lại với nhau bằng cách sử dụng màu sắc, một cấu trúc cơ bản được phát triển rộng ra từ trung tâm, chúng dùng các đường kẻ, các biểu tượng, từ ngữ và hình ảnh theo một bộ các quy tắc đơn giản, cơ bản, tự nhiên và dễ hiểu.

2.1.2. Lợi ích của Bản đồ tư duy

* *Liên kết kiến thức:* Bản đồ tư duy sẽ giúp các con liên kết kiến thức có liên quan thành một khung kiến thức chung, dễ học, dễ nhớ. Cụ thể, các kiến thức trọng tâm sẽ được phân thành các nhánh nhỏ cụ thể với những từ khóa tương ứng, kết hợp với hình ảnh, màu sắc phù hợp. Chuỗi kiến thức này có quan hệ liên kết và bổ sung cho nhau.

* *Bao quát toàn bộ kiến thức:* Khi tóm tắt kiến thức bằng Bản đồ tư duy, các em học sinh sẽ có cái nhìn tổng quan về mọi vấn đề, mọi thông tin để giải mã và tư duy não bộ. Từ đó, các con sẽ có cái nhìn toàn bộ, bao quát, hiểu được các mối liên hệ của bài học.

* *Phát huy khả năng sáng tạo:* Thực tế, não trái của con người là để tư duy hình ảnh, não phải để phân tích thông tin qua hình ảnh. Nhờ vào sơ đồ tư duy, người học có thể tận dụng được hết chức năng của não trái và não phải. Nói cách khác, người học sẽ vận dụng khả năng tư duy, sáng tạo để phân tích cụ thể nhất một vấn đề chính nào đó qua ngôn từ, hình ảnh, màu sắc.

* *Ghi nhớ:* Chính nhờ đưa ra được kiến thức trọng tâm cùng những phân nhánh kiến thức có liên quan bằng các từ khóa, hình ảnh, người học hay cụ thể là trẻ có thể dễ dàng ghi nhớ kiến thức. Các em sẽ ghi nhớ thông tin trong não bộ và tránh được tình trạng “học vẹt”.

* *Cải thiện thời gian học:* Có thể thấy rằng, sử dụng mindmap các em sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời

gian học. Nếu như thực tế hàng ngày các em phải lĩnh hội nhiều kiến thức và lượng kiến thức mỗi ngày một tăng thì việc học thuộc hay nhớ hết mọi vấn đề quá khó. Nhờ Bản đồ tư duy, các em đã có thể đơn giản, rút ngắn những khung kiến thức dài. Chính vì vậy, việc học và nhớ trở nên dễ dàng hơn và từ đó cải thiện được thời gian học hàng ngày.

2.1.3. Một số hướng dẫn khi tạo Bản đồ tư duy

Để xây dựng một bản đồ tư duy tốt cho việc học từ vựng, sinh viên cần thực hiện

những bước sau:

- Bắt đầu từ trung tâm với hình ảnh của chủ đề vì hình ảnh có thể diễn đạt được cả ngàn từ và giúp bạn sử dụng trí tưởng tượng của mình. Một hình ảnh ở trung tâm sẽ giúp chúng ta tập trung được vào chủ đề và làm cho chúng ta hưng phấn hơn.

- Luôn sử dụng màu sắc, bởi vì màu sắc cũng có tác dụng kích thích não như hình ảnh.

- Nói các nhánh chính (cấp một) đến hình ảnh trung tâm, nói các nhánh cấp hai đến các nhánh cấp một, nói các nhánh cấp ba đến nhánh cấp hai..., bằng các đường kẻ. Các đường kẻ càng ở gần hình ảnh trung tâm thì càng được tô đậm hơn, dày hơn. Khi chúng ta nối các đường với nhau, bạn sẽ hiểu và nhớ nhiều thứ hơn rất nhiều do bộ não của chúng ta làm việc bằng sự liên tưởng.

- Mỗi từ/ ảnh/ ý nên đứng độc lập và được nằm trên một đường kẻ.

- Tạo ra một kiểu bản đồ riêng cho mình (kiểu đường kẻ, màu sắc...).

- Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường thẳng vì các đường cong được tổ chức rõ ràng sẽ thu hút được sự chú ý của mắt hơn rất nhiều.

- Bổ trí thông tin đều quanh hình ảnh trung tâm.

2.2. Sử dụng Bản đồ tư duy trong việc học từ vựng tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

2.2.1. Tổ chức dạy học từ vựng với Bản đồ tư duy

Để SV hứng thú với môn tiếng Anh thì GV phải đầu tư nhiều thời gian để thiết kế bài giảng sao cho việc giảng dạy thật hiệu quả; chọn lọc phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu và nội dung bài giảng. Do đó, GV cần có những kế hoạch và phương pháp giảng dạy một cách cụ thể và có mục đích. Trong quá trình giảng dạy, ngoài giờ lên lớp, GV còn phải theo dõi các hoạt động tự học của SV, giúp đỡ khi cần thiết, trao đổi thảo luận và góp ý để SV đi đúng hướng. Như vậy, GV trong giảng dạy và SV trong học tập phải chủ động cần phải đầu tư công sức và thời gian rất nhiều so với kiểu dạy và học thụ động mới có thể thực hiện

bài lên lớp GV với vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của SV. Để giúp SV hiểu thế nào là Bản đồ tư duy và biết cách vẽ bản đồ tư duy, tôi chọn dạy 2 chủ đề từ vựng: food, transport và hướng dẫn SV từng bước cụ thể để có được một bản đồ tư duy hoàn chỉnh.

Chủ đề 1: Food (thực phẩm)

Chủ đề “food” là chủ đề quen thuộc và gần gũi trong cuộc sống hàng ngày. Chính vì thế, hầu hết SV rất hứng thú khi học các từ vựng liên quan tới chủ đề này. Tuy nhiên, mục đích cuối cùng của tiết học này là giúp SV học và nhớ được các từ về các loại đồ ăn đồ uống khác nhau. Bên cạnh đó, SV còn phân biệt được danh từ nào là danh từ đếm được, danh từ nào là danh từ không đếm được.

1. Look at the spidergram:

- Write the name by the picture. Use a dictionary to help you

- Listen and check your ideas

- Can you add any more words: beer, milk, fish, pasta, mushrooms, eggs, sandwiches, potatoes, wine, rice, bacon, tomatoes, water, sausages, grapes, cheese, bananas, bread.

Giảng viên yêu cầu SV nghe và đọc các từ mới về đồ ăn, đồ uống, sau đó yêu cầu SV làm việc theo cặp, điền tên đồ ăn, đồ uống vào các bức tranh phù hợp để hoàn thành sơ đồ trong giáo trình. Giảng viên gọi SV đọc câu trả lời tương ứng với từng bức tranh và chữa bài cho cả lớp. Sau khi hoàn thành xong bài tập 1, SV đã bước đầu được làm quen với một bản đồ tư duy ở mức độ đơn giản nhất.

Ở bài tập 2, GV giúp SV phát triển vốn từ vựng về cùng chủ đề. GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 5 - 6 em. Trong bài tập 2, SV tìm thêm các từ chỉ đồ ăn đồ uống để điền vào đúng nhóm từ đã có sẵn trong bài tập 1. Giảng viên gọi đại diện của 2-3 nhóm ghi các từ tìm được lên bảng và cùng cả lớp chữa bài. Sau đó, GV giúp SV hệ thống lại tất cả các từ vựng vừa học được theo đúng các nhóm từ trong bài tập.

Dạng bài tập 3 giúp SV phân biệt được danh từ đếm được, danh từ không đếm được. GV chia lớp thành 2 nhóm lớn A và B, yêu cầu: nhóm A ghi lại các danh từ đếm được và nhóm B ghi lại các danh từ không đếm được trong số các danh từ vừa tổng hợp được ở bài tập 2. GV gọi đại diện 2 nhóm lên bảng viết các danh từ theo đúng yêu cầu. GV cùng cả lớp chữa lỗi sai (nếu có). Trước khi kết thúc giờ học, GV vẽ lại khung 2 sơ đồ lên bảng, yêu cầu SV gấp sách lại và hoàn thành 2 sơ đồ với các từ vừa học.

Chủ đề 2: Transport (giao thông)

Mục tiêu chính của bài học này là giúp SV học và sử dụng được các từ có liên quan đến chủ đề “giao thông”, bao gồm các loại hình giao thông và các phương tiện giao thông.

Ở phần mở đầu, GV đặt câu hỏi “How do you/ does your mother... often go to school/ go to work?” để dẫn dắt SV vào bài. Sau khi SV nắm rõ chủ đề bài học, GV viết từ “transport” lên bảng để làm ý trung tâm cho bản đồ tư duy. Để giúp SV phát triển các nhánh cho bản đồ, GV đặt câu hỏi “How many means of transport do you know?”, “Which is for transportation?”, “Which is for work?”...

Sau khi đã giúp SV lập được khung của bản đồ tư duy, GV yêu cầu SV hoàn thành bài tập 1: Match the words and the picture: car, lorry, boat, bus, train, bicycles, plane, motorbike, coach, helicopter, taxi. SV trong lớp được yêu cầu làm việc theo cặp, nói các bức tranh về các phương tiện giao thông với các từ phù hợp. GV yêu cầu SV nghe và đọc lại các từ và chữa bài. Để giúp SV hiểu rõ ý nghĩa của các từ, GV có thể sử dụng tên gọi tiếng Việt cho từng bức tranh. Kết thúc bài tập 1, SV đã có một lượng từ vựng nhất định về các phương tiện giao thông quen thuộc.

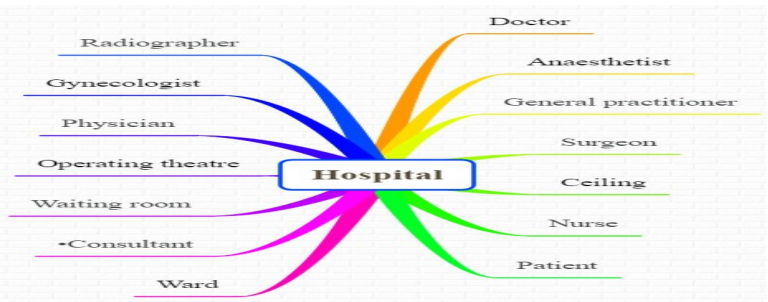
Trong bài tập 2, GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm từ 5-6 em. Trong vòng 5 phút, các nhóm cùng sử dụng các từ trong bài tập 1 để hoàn thành bản đồ tư duy chủ đề “Transport” mà GV đã vẽ khung trên bảng. GV yêu cầu 2 nhóm nhanh nhất cử đại diện lên bảng vẽ lại bản đồ của nhóm mình. Sau khi SV hoàn thành xong bản đồ, GV yêu cầu các nhóm so sánh các bản đồ với nhau, bổ sung và nhận xét. GV kết luận và trình chiếu bản đồ tư duy đã chuẩn bị trước để SV tham khảo.

Để giúp SV ghi nhớ được các từ và cách sử dụng chúng, ở bài tập 3, GV yêu cầu SV sắp xếp các phương tiện giao thông theo thứ tự từ nhanh nhất tới chậm nhất. SV đánh số 1, 2, 3...dưới tên các phương tiện giao thông và cùng thảo luận với bạn bên cạnh. Sau khi SV thảo luận xong, GV sẽ giúp SV ôn tập lại các giới từ đi cùng với các loại phương tiện giao thông. SV được yêu cầu nêu ý kiến, GV nhận xét và ghi lại giới từ đúng bên cạnh tên các loại phương tiện.

2.2.2. Xây dựng bản đồ tư duy cho các chủ đề bài học

Các chủ đề từ vựng như: free time activities, daily activities, house, travel, clothes, hospital, disease symptoms... Các chủ đề này khá đơn giản và gần gũi với SV nên thu hút được sự quan tâm và hứng thú của hầu hết các em. Trước mỗi tuần học một chủ đề mới,

GV yêu cầu SV dành một tiết học để chuẩn bị cùng nhau. SV mỗi lớp được chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm khoảng từ 4 - 6 SV. Mỗi nhóm SV sẽ đảm nhận cùng một chủ đề sắp học. Thời gian để các nhóm thu thập từ vựng và những thông tin liên quan đến chủ đề của nhóm là 30 phút có sự hỗ trợ của GV và các phương tiện tra cứu thông tin khác như Smart phone, Internet... Hết thời gian quy định, các nhóm sẽ nộp lại cho GV những thông tin về chủ đề mà nhóm mình tìm được. Sau khi được GV xét duyệt, các nhóm tiến hành làm bản đồ hoàn chỉnh. GV kiểm tra, góp ý, yêu cầu SV chỉnh sửa lại để có bản đồ tư duy hiệu quả nhất của từng nhóm.



3. Kết luận

Để một giờ học tiếng Anh đạt hiệu quả, GV phải tạo được môi trường “chơi mà học”, và việc sử dụng bản đồ tư duy trong các giờ học từ vựng thực sự đã giúp SV cảm thấy hứng thú rất nhiều đối với môn tiếng Anh. Bằng việc vẽ ra các bức tranh “có màu sắc” một cách có chủ ý, SV không cảm thấy bị gâp áp lực, nhưng hiệu quả ghi nhớ và gợi nhớ từ tăng lên nhiều. Và khi đã thành thạo với phương pháp này thì vốn từ vựng của SV sẽ tăng lên nhiều, qua đó sẽ giúp ích cho việc học các kỹ năng nghe và đọc. Bên cạnh đó, SV còn có thể áp dụng bản đồ tư duy vào việc học các kỹ năng hoặc các môn khác một cách có hệ thống.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyen, Thuy Lan (2012), Using mind mapping to teach vocabulary to the first year non-english major students at Bac Giang at Bac Giang university of Agriculture and Forestry, - M.A Minor Thesis, Hanoi.
2. Thornbury, S. (2002), How to teach vocabulary, - Harlow: Longman.
3. hoctienganh.info/read.php?
4. Adam Khoo & Gary Lee (2018), Con cái chúng ta đều giỏi, (Trần Đăng Khoa và Uông Xuân Vy dịch), Nxb Phụ nữ.
5. Anne Debroise (2008), Bí ẩn của bộ não, - Nxb Trẻ.
6. Andrew Binstock (2012), Mind Maps: The Poor Man's Design Tool.